TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIÊN KHÁNH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-ST
Ngày: 20/9/2023
Về tranh chấp: *"Hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Thuận
Các hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Hùng Cường;
Bà Ngô Thị Lững.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đình Vân Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh tham gia phiên Tòa: Ông Bùi Nguyên Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh mở phiên tòa xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 124/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 17/2023/QĐST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần P
Địa chỉ: phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc Đ – Cv xử lý nợ Ngân hàng TMCP P – chi nhánh Khánh Hòa (Theo giấy ủy quyền số 12/2022/UQ/NHPĐ-KH ngày 18/11/2022 của Giám đốc Ngân hàng TMCP P – chi nhánh Khánh Hòa). Ông Đ.

* *Bị đơn*: Bà Đỗ Thị N – sinh năm 1959
Địa chỉ: Tổ 20, thôn T, xã D, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2022, bản tự khai, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ngân hàng thương mại cổ phần P; ông Huỳnh Ngọc Đ trình bày:*

Ngày 05/01/2021 bà Đỗ Thị N và Ngân hàng TMCP P (sau đây gọi là Ngân hàng) có ký hợp đồng tín dụng số 0001B/2021/HĐTD, bà N vay số tiền 950.000.000 đồng *(Chín trăm năm mươi triệu đồng)*, thời hạn vay 96 tháng, mục đích vay: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình phục vụ đời sống; lãi suất vay: 12%/ năm trong 03 tháng đầu, từ tháng thứ 4 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, lãi suất cho vay (điều chỉnh) bằng lãi suất cơ sở (1) + biên độ lãi suất (2) (trong đó lãi suất cơ sở (1) là lãi suất tiền gởi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do NH công bố tại thời điểm tính lãi, biên độ lãi suất (2) tối thiểu 3,9%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nói trên, bà Đỗ Thị N đã thế chấp tài sản là:

- Tài sản 1: Quyền sử dụng thửa đất số 14xx, tờ bản đồ số 02 tại xã D huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH029xx cấp ngày 11/10/2017 mang tên bà Đỗ Thị N.

- Tài sản 2: Quyền sử dụng thửa đất số 11xx, tờ bản đồ số 02 tại xã D huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH003xx cấp ngày 04/10/2011 mang tên bà Đỗ Thị N.

Cả 02 tài sản được thế chấp tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 0001/2021/BĐ ngày 02/01/2021, công chứng số 169, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/01/2021 tại văn phòng công chứng T; Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 05/01/2021 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Diên Khánh.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đỗ Thị N đã thanh toán được 144.800.000 đồng *(Một trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng)* nợ gốc và 162.630.104 đồng *(Một trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn một trăm lẻ bốn đồng)*. Từ ngày 01/9/2022 đến nay, bà N liên tiếp vi phạm nghĩ vụ trả nợ theo hợp đồng cho Ngân hàng mặc dù ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, làm việc trực tiếp với bà N nhưng bà N trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Đến ngày 20/9/2023, bà N còn nợ Ngân hàng như sau:

- Nợ gốc: 805.200.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 118.326.247 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 15.675.340 đồng.

Nay để đảm bảo cho việc thu hồi vốn, Ngân hàng yêu cầu bà Đỗ Thị N thanh toán dứt điểm một lần toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/9/2023 là 939.201.587 đồng *(chín trăm ba mươi chín triệu hai trăm lẻ một nghìn năm trăm tám mươi bảy đồng)*. Trong đó nợ gốc là 805.200.000 đồng; lãi trong hạn là 118.326.247 đồng *(Một trăm mười tám triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng)*; lãi quá hạn là 15.675.340 đồng *(mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi đồng)* và các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 21/9/2023 theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên cho đến khi bà N trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà Đỗ Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa phát mãi tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng thửa đất số 14xx, tờ bản đồ số 02 tại xã D huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa theo giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số CH029xx cấp ngày 11/10/2017 mang tên bà Đỗ Thị N và Quyền sử dụng thửa đất số 11xx, tờ bản đồ số 02 tại xã D huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH003xx cấp ngày 04/10/2011 mang tên bà Đỗ Thị N.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng đã tạm ứng chi phí là 4.000.000 đồng. Ngân hàng đề nghị bà Đỗ Thị N phải thanh toán lại cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* *Tại bản tự khai ngày 06/01/2023 bị đơn Đỗ Thị N trình bày:* Ngày 05/01/2021, bà có ký hợp đồng vay Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền 950.000.000 đồng (chín trăm năm mươi triệu đồng) để làm ăn. Bà đã nhiều lần trả được 129.600.000 đồng (một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) nợ gốc và 159.869.185 đồng (một trăm năm mươi chín triệu tám trăm sáu mươi chính nghìn một trăm tám mươi lăm đồng) nợ lãi. Đến ngày 06/01/2021, bà còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần P là 820.400.000 đồng (tám trăm hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) nợ gốc. Còn nợ lãi bao nhiêu bà không rõ. Bà có nguyện vọng xin trả gốc và lãi mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Việc vay nợ, bà có thế chấp ngân hàng tài sản là: Thửa đất số 14xx, tờ bản đồ số 02 và thửa đất số 11xx, tờ bản đồ số 02 tại xã D, huyện Diên Khánh, đứng tên bà là Đỗ Thị N.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa, vì vậy Tòa án đã thực hiện các thủ tục theo quy định để giải quyết vắng mặt bị đơn.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục: Bị đơn Đỗ Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần 2 không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P yêu cầu bà Đỗ Thị N phải trả nợ vay do bà Nhuận vi phạm hợp đồng tín dụng. Đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Theo các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ cũng như lời trình bày của người đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P và bị đơn bà Đỗ Thị N xác lập hợp đồng tín dụng vay là có thật. Thể hiện tại hợp đồng tín

dụng số 0001B/2021/HĐTD ngày 05/01/2021, theo đó Ngân hàng cho bà Đỗ Thị N vay 950.000.000 đồng.

Giao dịch giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật. Bà Đỗ Thị N đã trả được một phần nợ. Tuy nhiên, sau đó bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng. Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần P khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị N trả số tiền gốc và lãi là phù hợp với các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

Ngoài ra, căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng tín dụng Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì bà Đỗ Thị N còn phải tiếp tục trả lãi trên dư nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ gốc.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P như sau:

Việc vay tiền giữa Ngân hàng thương mại cổ phần P và bà Đỗ Thị N là giao dịch hợp pháp. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P yêu cầu bà Đỗ Thị N phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 20/9/2020 là 939.201.587 đồng *(chín trăm ba mươi chín triệu hai trăm lẻ một nghìn năm trăm tám mươi bảy đồng)*. Trong đó nợ gốc là 805.200.000 đồng (Tám trăm lẻ năm triệu hai trăm nghìn đồng; Nợ lãi: lãi trong hạn là 118.326.247 đồng *(Một trăm mười tám triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng)*; lãi quá hạn là 15.675.340 đồng *(mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi đồng)*. Và các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 21/9/2023 theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên cho đến khi bà N trả hết nợ cho Ngân hàng là phù hợp. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần P.

Trong trường hợp bà Đỗ Thị N không trả được khoản nợ thì tài sản thế chấp được xử lý để thu hồi nợ.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng thương mại cổ phần P đã tạm ứng là 4.000.000 đồng. Bà Đỗ Thị N có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng.

[6] Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Đỗ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần P.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Đỗ Thị N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền còn nợ tổng cộng theo hợp đồng tín dụng số 0001B/2021/HĐTD-.-CN ngày 05/01/2021 tính đến ngày 20/9/2023 là 939.201.587 đồng *(chín trăm ba mươi chín triệu hai trăm lẻ một nghìn năm trăm tám mươi bảy đồng)*. Trong đó nợ gốc là 805.200.000 đồng (tấm trăm lẻ năm triệu hai trăm nghìn đồng; Nợ lãi: lãi trong hạn là 118.326.247 đồng *(Một trăm mười tám triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng)*; lãi quá hạn là 15.675.340 đồng *(mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi đồng)*. Và các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 21/9/2023 theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên cho đến khi bà N trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà Đỗ Thị N không trả được các khoản nợ nói trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần P thì Ngân hàng thương mại cổ phần P yêu cầu chi cục thi hành án Dân sự huyện Diên Khánh, Khánh Hòa xử lý phần tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng thửa đất số 14xx, tờ bản đồ số 02 tại xã D huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH029xx cấp ngày 11/10/2017 mang tên bà Đỗ Thị N và Quyền sử dụng thửa đất số 11xx, tờ bản đồ số 02 tại xã D huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH0032xx cấp ngày 04/10/2011 mang tên bà Đỗ Thị N.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Đỗ Thị N có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)*.

3. Về án phí: Bà Đỗ Thị N phải chịu 40.176.047 đồng *(Bốn mươi triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P 18.500.000 đồng *(Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/00123xx ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. ***Quy định**: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Đức Thuận